

Bản án số: 278/2026/HNGĐ - ST.
Ngày: 24 – 7 – 2026.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Tâm;
2. Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hoàng Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Lý Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 370/2026/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 629/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy D, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long; số Căn cước công dân: 084190014303, cấp ngày 17/7/1990; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Quốc L, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp Đ, xã C, thành phố Cần Thơ; số Căn cước công dân: 094096013679, cấp ngày 13/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thùy D trình bày:

Vào năm 2013, bà Lê Thị Thùy D và ông Đỗ Quốc L, tự nguyện chung sống với nhau, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long, đăng ký vào ngày 15/8/2013. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian chung sống bà và ông L có 02 người con chung là Đỗ Lê

Thùy L1, sinh ngày 25/8/2013 và Đỗ Lê Thùy D1, sinh ngày 12/3/2018, hiện nay các cháu đang sống chung với bà D. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2026 và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Lê Thị Thùy D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với ông Đỗ Quốc L; về con chung bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Lê Thùy L1, sinh ngày 25/8/2013 và Đỗ Lê Thùy D1, sinh ngày 12/3/2018 đến khi thành niên, yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật cho đến khi cháu L1 và cháu D1 đủ 18 (Mười tám) tuổi; cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; thời gian cấp dưỡng lần đầu tính từ ngày 25/8/2026; về tài sản chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Đỗ Quốc L:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông L, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông L để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông L để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thùy D.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Đỗ Lê Thùy L1, sinh ngày 25/8/2013 và Đỗ Lê Thùy D1, sinh ngày 12/3/2018 cho bà Lê Thị Thùy D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật cho đến khi cháu L1 và cháu D1 đủ 18 (Mười tám) tuổi; cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng lần đầu tính từ ngày 10/8/2026. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho Đỗ Quốc L mà không ai được quyền ngăn cản.

+ Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thùy D xác định trong thời gian chung sống bà và ông Đỗ Quốc L không có tài sản chung, bà không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Lê Thị Thùy D xác định trong thời gian chung sống bà và ông Đỗ Quốc L không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thùy D và ông Đỗ Quốc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đỗ Quốc L từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông L nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông L để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thùy D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đỗ Quốc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D và ông L.

[2]. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2026 và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Lê Thị Thùy D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về con chung bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Lê Thùy L1, sinh ngày 25/8/2013 và Đỗ Lê Thùy D1, sinh ngày 12/3/2018 đến khi thành niên, yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật cho đến khi cháu L1 và cháu D1 đủ 18 (Mười tám) tuổi; cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; thời gian cấp dưỡng lần đầu tính từ ngày 10/8/2026. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Thùy D xác định bà và ông Đỗ Quốc L chung sống theo nghĩa vợ chồng từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long, đăng ký vào ngày 15/8/2013. Hôn nhân của bà D và ông L tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông L là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Lê Thị Thùy D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông L với lý do trong quá trình chung sống được một thời gian ngắn sau khi kết hôn thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Từ khi bà D chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm

vợ chồng. Đối với bị đơn ông Đỗ Quốc L, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông L biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không trình bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị Thùy D và ông Đỗ Quốc L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thùy D được ly hôn với ông Đỗ Quốc L.

[3]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

+ Về con chung: Bà Lê Thị Thùy D xác định trong thời gian chung sống bà và ông L có 02 người con chung là Đỗ Lê Thùy L1, sinh ngày 25/8/2013 và Đỗ Lê Thùy D1, sinh ngày 12/3/2018, hiện nay các cháu đang sống chung với bà D. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Thùy D xác định từ khi bà và ông L sống ly thân thì bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1 và cháu D1 nên bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các cháu cho đến khi thành niên. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà D và ông L đã không còn chung sống với nhau từ khi ly thân cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu L1 và cháu D1 chung sống với bà D, cuộc sống của cháu đã ổn định; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu; đồng thời quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu L1 và cháu D1, thì nguyện vọng của các cháu muốn sống chung với bà D. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L1 và cháu D1 cho bà D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Đỗ Quốc L mà không ai được ngăn cản.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

[4.2]. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 09/7/2026, bà D yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu L1 và cháu D1 với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 (Mười tám tuổi), cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 10/8/2026. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác; Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con”, do đó ông Đỗ Quốc L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là cháu L1 và cháu D1 là phù hợp. Về phương thức cấp dưỡng mà bà D yêu cầu cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về mức cấp dưỡng: theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu

thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”, đồng thời căn cứ theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: “Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Do đó, mức cấp dưỡng mà bà D yêu cầu ông L cấp dưỡng cho cháu L1 và cháu D1 theo quy định pháp luật là phù hợp, bởi lẽ bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh thu nhập trung bình mỗi tháng của ông L là bao nhiêu. Biết rằng, tại thời điểm xét xử thì tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng là ông L đang cư trú (ấp Đ, xã C, thành phố Cần Thơ thuộc vùng IV) là 3.700.000 đồng/tháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cháu L1 và cháu D1 mỗi cháu hàng tháng là 1.850.000 đồng (1/2 mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú), cấp dưỡng lần đầu ngày 10/8/2026 cho đến khi cháu L1, cháu D1 đủ 18 (Mười tám) tuổi là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Thùy D xác định bà và ông Đỗ Quốc L không có tài sản chung, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Thùy D xác định bà và ông Đỗ Quốc L không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bà Lê Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm xin ly hôn; ông Đỗ Quốc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy D được ly hôn với ông Đỗ Quốc L.
2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Đỗ Lê Thùy L1, sinh ngày 25/8/2013 và Đỗ Lê Thùy D1, sinh ngày 12/3/2018 cho bà Lê Thị Thùy D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên không; ông Đỗ Quốc L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu L1, cháu D1 mỗi cháu là 1.850.000 đồng/tháng (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng/tháng) cho đến khi cháu L1, cháu D1 đủ 18 (Mười tám) tuổi; phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; cấp dưỡng lần đầu vào ngày 10/8/2026; địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Sau khi ly hôn ông Đỗ Quốc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006906, ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự, thành phố Cần Thơ. Như vậy, bà Lê Thị Thùy D đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Đỗ Quốc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND thành phố Cần Thơ
(PGĐ, KT, TT và THA);

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- Cơ quan THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Hiệp Mỹ, tỉnh Vĩnh Long;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Hoàng Bảo